

TAND HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2021/ DS-ST

Ngày 05 tháng 01 Năm 2021

V/v: T/c hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.

- Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Trần Thành Đô. 2/ Ông Đồng Văn Diệm.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

-Đại diện VKS huyện Lạng Giang tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 05/01/2021, tại Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 02/01/2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh N 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Phạm Văn Y, sinh N 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Chị Hà Thị M, sinh N, sinh N 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2/Chị Đoàn Thị N, sinh N 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh và anh Phạm Văn Y có quan hệ là người

cùng xã Hương Lạc và do anh Y cần vay tiền; nên ngày 30/7/2019, anh có cho anh Y vay số tiền là 100.000.000đ, không tính lãi, mục đích vay để kinh doanh, thời hạn trả nợ ngày 30/8/2019; khi vay có viết giấy vay tiền, do anh Phạm Văn Y ký vào mục “Bên vay tiền”. Đến hạn trả nợ, không thấy anh Y mang tiền đến trả, nên anh xuống nhà anh Y để đòi tiền nhiều lần, nhưng do anh Y đều không có nhà nên không gặp được. Sau đó anh có hỏi dò thì được biết anh Y đã bỏ nhà đi Miền Nam, nhưng không biết địa chỉ như thế nào. Anh có điện thoại cho anh Y, nhưng anh Y không nghe điện thoại. Nay anh xác định anh Y cố tình chôn trốn chánh không trả tiền cho anh. Do đó, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Y và chị N (vợ anh Y) cùng chịu trách nhiệm trả anh số tiền vay 100.000.000đ và trả tiền lãi do vi phạm thời hạn trả nợ theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 01/9/2019 cho tới nay.

-Tại bản khai ngày 21/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị M trình bày: Ngày 30/7/2019, anh Lê Văn T (chồng chị) có cho anh Phạm Văn Y vay số tiền là 100.000.000đ, không tính lãi, mục đích vay để kinh doanh, thời hạn trả nợ ngày 30/8/2019, khi vay có viết vay tiền và anh Y ký vào mục “Bên vay”. Đến nay anh Y vẫn chưa trả được đồng nào, do đó chị yêu cầu anh Y và chị N (vợ anh Y) phải có trách nhiệm trả cho anh T số tiền vay này và phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật. Do công việc bận, nên chị đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng ở mọi cấp Tòa án.

-Tại bản khai ngày 11/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị N trình bày: Chị là vợ của anh Y, hiện chị và các con đang cư trú tại thôn 4, xã Hương Lạc. Nay chị được Tòa án thông báo về việc anh T kiện đòi tiền mà anh Y vay của anh T là 100.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Nay chị có ý kiến như sau: Chị không được biết việc anh Y vay tiền của anh T như thế nào, chị không vay, không được sử dụng số tiền vay và anh Y cũng không sử dụng tiền này vào mục đích chung của gia đình, do đó chị không chịu trách nhiệm trả số tiền anh Y đã vay và lãi suất theo yêu cầu của anh T và chị M.

Hiện anh Y đã bỏ nhà đi từ tháng 8/2019 cho tới nay không về; khi đi anh Y không nói gì với chị và gia đình và đến nay chị cũng không biết anh Y đang làm gì và ở đâu. Do chị đi làm Công ty không nghỉ được, do đó chị đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt chị ở mọi cấp Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm tại phiên tòa:

+Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách người tham gia tố tụng, giao các văn bản cho Viện kiểm sát, các đương sự đúng quy định pháp luật. Các

đương sự như; nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình như không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải không có lY do. Tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng trình tự về phiên tòa sơ thẩm; Thư kY thực hiện đúng trình tự quy định tại Điều 51 Điều 239 BLTTDS; Các đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xin vắng mặt tại phiên tòa (có lY do); bị đơn vắng mặt tại các phiên tòa (không có lY do).

+ Về nội dung và yêu cầu giải quyết vụ án: Ngày 30/7/2019, anh Phạm Văn Y có vay của anh Lê Văn T số tiền 100.000.000đ, không tính lãi, mục đích vay là để kinh doanh, thời hạn trả nợ ngày 30/8/2019, có viết giấy biên nhận vay tiền do anh Y kY vào mục “Bên vay”. Đến hạn trả nợ, anh Y đã trốn tránh không trả tiền cho anh T. Như vậy, anh Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó anh T khởi kiện yêu cầu anh Y phải trả cho anh T tiền vay là 100.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, anh T, chị M (vợ anh T) yêu cầu chị N (vợ anh Y) phải cùng liên đới trả cho anh T là không có căn cứ, vì chị N không vay, không sử dụng tiền vay, nên đề nghị HĐXX không chấp nhận.

+ Đề xuất của Kiểm sát viên: Đề nghị áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân . Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Phạm Văn Y trả cho anh Lê Văn T tiền vay là 100.000.000đ và tiền lãi là 13.365.000đ. Tổng số tiền là 113.365.000đồng. Anh Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Y kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Xác định, đây là quan hệ tranh chấp về kiện đòi tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Lạng Giang theo quy định pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư kY đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa; HĐXX, Thư kY đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình như: Không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa không có lý do.

[3] Về nội dung và yêu cầu giải quyết vụ án: Ngày 30/7/2019, anh Y có vay của anh T số tiền 100.000.000đ, không tính lãi, mục đích vay là để kinh doanh, thời hạn trả nợ ngày 30/8/2019, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền do anh T ký vào mục “Bên cho vay” và anh Y ký vào mục “Bên vay”. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Đến hạn trả nợ, anh Y không trả tiền cho anh T mà còn trốn tránh. Như vậy, anh Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trong đó; Theo khoản 1 khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: ***Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.*** Khoản 4 quy định: ***T hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.*** Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: ***T hợp các bên có thỏa thuận về việc trả, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*** Trong đó lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: ***Không được vượt quá 20%/N của khoản tiền vay.*** Như vậy, nay anh T yêu cầu anh Y trả tiền vay gốc là 100.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/9/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 05/01/2021 với lãi suất được tính $100.000.000đ \times 0,83\% \times 16$ tháng 03 ngày = 13.363.000đồng, là có căn cứ, nên được chấp nhận. Tuy nhiên, anh T và chị M yêu cầu chị N (vợ anh Y) phải chịu trách nhiệm cùng anh Y thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay gốc và tiền lãi nêu trên là không có căn cứ. Vì lý do: Giấy vay tiền ngày 30/7/2019 không có chữ ký của chị N và chị N khẳng định không vay, không được sử dụng tiền vay, không biết việc anh Y vay tiền của anh T. Đồng thời xác minh tại địa phương được biết; anh Y vắng mặt tại địa phương từ tháng 8/2019 cho tới nay, tức là anh Y đi khỏi địa phương chỉ sau mấy ngày khi vay tiền của anh T. Như vậy, xác định giao dịch vay tiền vay trên là do cá nhân anh Y với anh T và không sử dụng vào mục đích chung hoặc nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó yêu cầu trên của anh T, chị M không được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả anh T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân . Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1/Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Phạm Văn Y trả cho anh Lê Văn T số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 13.365.000 đồng. Tổng là 113.365.000 đồng.

2/Về án phí: Anh Phạm Văn Y chịu 5.668.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Lê Văn T số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002094 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- *VKS huyện Lạng Giang;*
- *THADS huyện Lạng Giang.*
- *Các đương sự, lưu hồ sơ.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Giáp Quang Huy

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 05/01/2021, tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.
- Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Trần Thành Đô. 2/Ông Đồng Văn Diện.

Tiến hành thảo luận về vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 02/01/2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT NHƯ SAU

1/ Về điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân . Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

-Kết quả biểu quyết: 3/3

2/Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Phạm Văn Y trả cho anh Lê Văn T số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 13.365.000 đồng. Tổng là 113.365.000 đồng.

-Kết quả biểu quyết: 3/3

3/Về án phí: Anh Phạm Văn Y chịu 5.668.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Lê Văn T số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002094 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

-Kết quả biểu quyết: 3/3

4/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật.

-Kết quả biểu quyết: 3/3

5/ Các nội dung khác: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

-Kết quả biểu quyết: 3/3

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ